CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG ---o0o---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ---o0o---
Số: 59/2026/TB-TCGF	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026*

THÔNG BÁO

V/v: Bổ sung tài liệu Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF)

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF)

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan;*
- *Căn cứ Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 đã được Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công gửi tới Quý Nhà đầu tư;*
- *Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Thành Công ("TCGF").*

Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công ("Công ty") trân trọng thông báo đến Quý Nhà đầu tư về việc bổ sung tài liệu phục vụ Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

1. Nội dung bổ sung

Công ty bổ sung nội dung trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét, thảo luận và biểu quyết tại Đại hội:

- **Tờ trình số 07:**

V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ lần 3 của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công

2. Tài liệu bổ sung kèm theo

Các tài liệu bổ sung bao gồm:

1. Tờ trình 07;
2. Dự thảo Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần 3;

Bảng so sánh nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

3. Cập nhật Chương trình họp

Chương trình Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 được cập nhật để bổ sung nội dung nêu trên vào chương trình họp, nhằm để Quý Nhà đầu tư xem xét, thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung bổ sung nêu trên sẽ được Đại hội Nhà đầu tư xem xét thông qua việc cập nhật chương trình họp trước khi tiến hành biểu quyết..

4. Tổ chức thực hiện

- Các tài liệu bổ sung đã được Công ty Quản lý Quỹ gửi tới Quý Nhà đầu tư theo phương thức đã đăng ký và/hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

- Các nội dung khác của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 giữ nguyên, không thay đổi theo Thông báo mời họp đã gửi trước đó.

Công ty Quản lý Quỹ kính đề nghị Quý Nhà đầu tư xem xét các tài liệu bổ sung để việc tham dự và biểu quyết tại Đại hội được đầy đủ và hiệu quả.

Trân trọng thông báo./.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ TRUNG CƯƠNG

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG ---o0o---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ---o0o---
Số: 60/2026/TTr-TCGF	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH 07
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ lần 3 của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công

Kính gửi: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thành Công

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan;*
- *Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;*
- *Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC;*
- *Căn cứ Điều lệ Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thành Công ("TCGF").*

I. MỤC ĐÍCH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công ("Công ty Quản lý Quỹ") trình Đại hội Nhà đầu tư việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ nhằm:

- Cập nhật các quy định pháp lý mới theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;
- Bổ sung cơ sở pháp lý cho việc mở rộng danh mục đầu tư (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm);
- Hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, đặc biệt đối với các tài sản có tính chất rủi ro cao;
- Bổ sung các công cụ quản lý thanh khoản của quỹ (bao gồm cơ chế đáp ứng một phần lệnh, tạm dừng giao dịch và mức phòng vệ thanh khoản);
- Hoàn thiện quy định về giao dịch chứng chỉ quỹ, định giá tài sản và công bố thông tin nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thông lệ thị trường.

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ được trình bày tại:

- Bảng so sánh Điều lệ hiện hành và Điều lệ sửa đổi, bổ sung;
- Dự thảo Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần 3 đính kèm.

Các nội dung sửa đổi trọng yếu bao gồm:

1. **Bổ sung phạm vi tài sản đầu tư**, bao gồm:

- Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch;
- Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật;

2. **Bổ sung cơ chế kiểm soát rủi ro đối với TPDN riêng lẻ**:

- Phải được Ban đại diện quỹ chấp thuận;
- Có đầy đủ tài liệu chứng minh bảo lãnh/ cam kết mua lại;
- Tuân thủ quy trình quản lý rủi ro có cơ chế kiểm soát độc lập và chịu sự giám sát của Ngân hàng giám sát;

3. **Bổ sung công cụ quản lý thanh khoản (liquidity management tools)**:

- Đáp ứng một phần lệnh giao dịch;
- Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Áp dụng mức phòng vệ thanh khoản;

Việc áp dụng các công cụ này phải đảm bảo:

- Nguyên tắc công bằng giữa các nhà đầu tư;
- Minh bạch, công khai;
- Phù hợp với lợi ích chung của Quỹ.

4. **Bổ sung, sửa đổi quy định về giao dịch chứng chỉ quỹ**:

- Phương thức thanh toán;
- Thời hạn thanh toán;
- Xử lý giao dịch trong điều kiện thị trường biến động;

5. **Cập nhật quy định về định giá tài sản và giá trị tài sản ròng (NAV)** theo quy định mới;

6. **Cập nhật phương pháp định giá tài sản (Phụ lục)** theo Thông tư 136/2025/TT-BTC.

III. TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ:

- Giúp Quỹ tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành;
- Tăng tính linh hoạt trong hoạt động đầu tư;
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và quản lý thanh khoản;
- Bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.

IV. KIẾN NGHỊ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công kính trình Đại hội Nhà đầu tư:

1. **Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ lần 3** theo dự thảo đính kèm;
2. **Giao và ủy quyền cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công** thực hiện:

- Hoàn thiện nội dung Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung phù hợp với ý kiến của Đại hội Nhà đầu tư (nếu có);
- Cập nhật, sửa đổi Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan để đảm bảo phù hợp với Điều lệ Quỹ sau khi được thông qua;
- Thực hiện các thủ tục báo cáo, công bố thông tin và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG

VÕ TRUNG CƯƠNG

BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH VÀ ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi bổ sung
CĂN CỨ PHÁP LÝ 1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 3. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025; 4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành	**CĂN CỨ PHÁP LÝ** 1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 2. Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; 3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 4. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của	Cập nhập văn bản pháp lý cho phù hợp

ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 6. Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC;; 7. Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013;	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025; 5. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 6. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh; 7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài	

9. Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được thay đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).	Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 8. Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC; 9. Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026; 10. Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 11. Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày	

	15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013; 12. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024; 13. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025; 14. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch	

	chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 15. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán; 16. Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được thay đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).	
CÁC ĐỊNH NGHĨA Chưa quy định	**CÁC ĐỊNH NGHĨA** *Thêm mới:* "Mức phòng vệ thanh khoản". Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.	Bổ sung căn cứ Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
CÁC ĐỊNH NGHĨA "Giá mua lại". Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản	**CÁC ĐỊNH NGHĨA** *Sửa đổi thành:* "Giá mua lại". Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư	Sửa đổi căn cứ Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.	một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.	
"Công ty quản lý quỹ" Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ TCAM), được thành lập theo Giấy phép số 01/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/01/2023 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty quản lý quỹ TCAM được ủy thác quản lý Quỹ TCGF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này	"Công ty quản lý quỹ" Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ TCAM), được thành lập theo Giấy phép số 01/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/01/2023 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 cấp lần đầu ngày 13/05/2008, thay đổi lần thứ 6 do Sở tài chính cấp ngày ngày 22/10/2025. Công ty quản lý quỹ TCAM được ủy thác quản lý Quỹ TCGF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này	Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất
56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Cập nhập địa chỉ của Ngân hàng giám sát

Điều 9, điểm e khoản 3 "Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải áp dụng các điều kiện sau: - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;"	*Sửa đổi thành:* "Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

	Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC."	
Điều 9, điểm f khoản 3 "Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ."	*Sửa đổi thành:* "Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ"	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Chưa quy định	Thêm mới: Điều 9, điểm g, h khoản 3 "g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ. h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền."	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Điều 9, "Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định của pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ mở."	*Sửa đổi thành:* "Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện."	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Chưa quy định	*Thêm mới:*	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng

	Khoản 9 Điều 10 **"9. Quỹ chỉ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết, chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro khi Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định và đáp ứng đầy đủ các điều kiện, hạn mức đầu tư theo pháp luật."**	12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Điều 10, điểm d khoản 1 "Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ."	*Sửa đổi thành:* "Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;"	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

Điều 10, điểm e khoản 1 "Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ;"	*Sửa đổi thành:* "Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;"	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Điều 10, điểm f khoản 1 "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều	*Sửa đổi thành:* "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, f và h khoản 3 Điều	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

lệ quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;"	9 Điều lệ quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;"	
Điều 10, điểm g khoản 1 "Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ"	*Sửa đổi thành:* "Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ"	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Điều 13, Khoản 2 "Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm: a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch; b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định"	*Sửa đổi thành:* "Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm: a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch; b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng	Bổ sung căn cứ điều 8 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

	giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định. 3. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. 4. Đối với giao dịch bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư 136/2025/TT-BTC.”	
Điều 13,	*Thêm mới:* 3. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng	Bổ sung căn cứ điều 8 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

	kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. 4. Đối với giao dịch bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư 136/2025/TT-BTC.	
Điều 17, điểm e Khoản 5 "Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư"	Sửa đổi thành: "Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc **số định danh cá nhân** hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư"	Bổ sung căn cứ điều 13 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
Điều 17, điểm d Khoản 6 "Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ	Sửa đổi thành: "Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định **hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định** trong vòng năm (05) ngày làm	Bổ sung căn cứ điều 14 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu."	việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu."	
Điều 18 "Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ 1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra: a. Tổng giá trị của các lệnh bán (bao gồm cả lệnh chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị của tất cả các lệnh mua (bao gồm cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:	Sửa đổi thành: **"Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản** 1a. Trường hợp Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. 1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ;	Sửa đổi căn cứ điều 15 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

	- Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của	b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới: - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. 2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc sau: a. Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước;	

nhà đầu tư không thể thực hiện được do: - Tính thanh khoản của thị trường thấp; - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán. 2. Việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh mới. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, quy định về số dư chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản sẽ không áp dụng.	b. Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. 3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. 4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau: a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán; c. Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết;	

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. 4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau: a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch chứng khoán; hoặc	d. 1 Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư của quỹ chỉ số nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu đã vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều lệ quỹ. 5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. 6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này, không quá 30 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này. 7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến	

[1] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2026.

c. Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết. 5. Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. 6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. 7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ	Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. 8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư. 9. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau: a. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện	

tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. 8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn đến việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư."	quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ. b. Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối. c. Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho	

	nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. d. Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt. e. Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.	
Điều 19 Khoản 3 "Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có), được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch."	*Sửa đổi thành:* "Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có), được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. **Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng**	Sửa đổi và bổ sung căn cứ điều 16 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

	vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản." Và thêm mới điểm 9 trong khoản 3 Điều 19: **"Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty."**	
Điều 22. Đại hội nhà đầu tư 4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc	*Sửa đổi thành:* 4. **Đại hội nhà đầu tư thường niên của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên thì Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ triệu tập** trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư	Sửa đổi và bổ sung căn cứ điều 5 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ	thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ	
Điều 56 Điểm 3 "Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng. Các giá trị tài sản ròng này phải được công bố công khai theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá."	*Sửa đổi thành:* "Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng. Các giá trị tài sản ròng này phải được công bố **trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ** theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá."	Sửa đổi căn cứ điều 7 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

(đính kèm tờ trình số 07/2026/TTr-TCGF ngày 07 tháng 04 năm 2026)

I. KHOẢN MỤC, ĐIỀU TỪ CHƯƠNG I ĐẾN CHƯƠNG XV CỦA ĐIỀU LỆ

II. PHỤ LỤC 4 – PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

1. Phụ lục 4 cũ

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		▪ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
9	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch.	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ đó, hoặc của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; hoặc ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ TCGF.
Các tài sản khác		
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá cho mỗi loại tài sản được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới được đánh giá là thích hợp hơn để áp dụng trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, công ty quản lý quỹ phải xin phê duyệt của Ban đại diện quỹ.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu cửa tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

2. **Phụ lục 4 mới**

Căn cứ Phụ lục XIV "Phương pháp xác định giá trị tài sản" kèm theo của Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025.

A. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động và phương pháp xác định giá được quy định tại Điều lệ quỹ là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết, Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch.	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch. Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ đó, hoặc của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; hoặc ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ TCGF.
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
17	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
18	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
19	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
20	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá cho mỗi loại tài sản được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới được đánh giá là thích hợp hơn để áp dụng trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, công ty quản lý quỹ phải xin phê duyệt của Ban đại diện quỹ.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu cửa tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

TCAM
THANHCONG ASSET MANAGEMENT CO.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG

DỰ THẢO

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THÀNH CÔNG

(TCGF)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2026

TCAM
THANHCONG ASSET MANAGEMENT CO.

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ 5

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA 7

CHƯƠNG I 12

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 12

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ 12

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 12

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 12

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán 13

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ 13

Điều 6. Công ty quản lý quỹ 13

Điều 7. Ngân hàng giám sát 13

CHƯƠNG II 15

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 15

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 15

Điều 9. Chiến lược đầu tư 15

Điều 10. Hạn chế đầu tư 16

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ 19

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư 19

Điều 13. Hoạt động giao dịch tài sản của quỹ 20

CHƯƠNG III 21

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 21

Điều 14. Nhà đầu tư 21

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư 21

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư 23

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ quỹ 24

Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ 28

Điều 19. Giá bán, giá mua lại 30

Điều 20. Chuyển nhượng phi thương mại 31

Điều 21. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ 32

CHƯƠNG IV 33

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 33

Điều 22. Đại hội nhà đầu tư 33
Điều 23. Đại hội nhà đầu tư bất thường 34
Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư 34
Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư 38
CHƯƠNG V 39
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 39
Điều 26. Ban đại diện quỹ 39
Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ 40
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ 40
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ 41
Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 42
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ 42
Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ 43
Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện quỹ 43
CHƯƠNG VI 45
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 45
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ 45
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ 45
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ 50
Điều 37. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ 51
CHƯƠNG VII 53
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 53
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát 53
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát 53
Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát 54
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát 56
CHƯƠNG VIII 58
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN 58
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền 58
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan 58
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan 58
Điều 45. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 59

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 60
CHƯƠNG IX 62
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH 62
Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ 62
Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối 62
Điều 49. Hoạt động của đại lý ký danh 63
Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ 64
CHƯƠNG X 66
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 66
Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán 66
Điều 52. Năm tài chính 66
Điều 53. Chế độ kế toán 66
Điều 54. Báo cáo tài chính 66
Điều 55. Báo cáo khác 67
CHƯƠNG XI 68
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 68
Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 68
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 68
Điều 58. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 68
Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Quỹ và nhà đầu tư 69
CHƯƠNG XII 72
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 72
Điều 60. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả 72
Điều 61. Thu nhập của quỹ 74
Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ 74
Điều 63. Phân chia lợi tức của Quỹ 75
CHƯƠNG XIII 76
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ 76
Điều 64. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ 76
Điều 65. Chia, tách Quỹ 78
Điều 66. Giải thể Quỹ 78
CHƯƠNG XIV 81
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 81

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng uỷ thác đầu tư của công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ 81

CHƯƠNG XV 82

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 82

Điều 68. Công bố thông tin và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư 82

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 84

Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành 84

PHỤ LỤC 1 85

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 85

PHỤ LỤC 2 87

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 87

PHỤ LỤC 3 88

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 88

PHỤ LỤC 4 89

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ 89

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
2. Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
4. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025;
5. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
6. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
8. Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
9. Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;

10. Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
11. Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013;
12. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
13. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025;
14. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
15. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
16. Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được thay đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ"	Là Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công (Sau đây gọi tắt là Quỹ TCGF) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
"Công ty quản lý quỹ"	Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ TCAM), được thành lập theo Giấy phép số 01/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/01/2023 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 cấp lần đầu ngày 13/05/2008, thay đổi lần thứ 6 do Sở tài chính cấp ngày ngày 22/10/2025. Công ty quản lý quỹ TCAM được ủy thác quản lý Quỹ TCGF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát"	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Sau đây gọi tắt là BIDV), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ TCGF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ TCGF và nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.

"Điều lệ Quỹ TCGF"/ "Điều lệ quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ quỹ được Đại hội nhà đầu tư thảo luận phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ TCGF.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ TCGF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ TCGF.
"Ban đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư TCGF"	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ/CCQ) là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một (01) phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá một (01) chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần

	đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ; Giá bán/Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại quy định tại Điều lệ này.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên có thời gian ngắn hơn 90 ngày thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên phải ngắn hơn 15 tháng.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"/ "NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ TCGF sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ TCGF tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

"Ngày định giá"	Là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ TCGF theo quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều lệ này.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ;
"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

	- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho nhà đầu tư. - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
"Đại lý phân phối"	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ.
"Đại lý ký danh"	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sổ phụ.
"Người có liên quan"	Được hiểu theo định nghĩa tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14
"Mức phòng vệ thanh khoản"	Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ

- Tên tiếng Việt: Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công
- Tên tiếng Anh: Thanh Cong Growth Fund
- Tên viết tắt: TCGF
- Địa chỉ liên hệ: Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ chính thức hoạt động kể từ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ TCGF được tổ chức dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Công hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2021, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quy định trong Điều lệ này.
2. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ TCGF có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.
3. Đại hội nhà đầu tư của Quỹ gồm tất cả các nhà đầu tư, là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ TCGF.
4. Ban đại diện quỹ TCGF sẽ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ TCGF, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ đề xuất và được Đại hội nhà đầu tư thông qua để bảo quản, lưu ký, giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
6. Công ty quản lý quỹ do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ. Các hoạt động của Quỹ được thực hiện thông qua công ty quản lý quỹ, theo đó, công ty quản lý quỹ được đại diện cho Quỹ thực hiện các công việc sau:
    a. Ký các hợp đồng, giao dịch xác lập quyền sở hữu của Quỹ đối với các tài sản đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ quỹ;
    b. Ký kết hợp đồng giám sát, hợp đồng quản trị quỹ với Ngân hàng giám sát; ký hợp đồng với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, tiền đầu tư của Quỹ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 Điều lệ quỹ;

c. Ký hợp đồng, giao dịch với các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ này;

d. Đại diện Quỹ trong các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng, giao dịch ký kết với bên thứ ba (nếu có).

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán

1. Vốn điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ đồng (50.000.000.000 VND). Số vốn này được chia thành năm triệu (5.000.000) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là mười nghìn đồng (10.000 VND).
2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam đồng theo cách thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa chứng chỉ quỹ được phép phát hành hay lưu hành trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.
4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng/số lô chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ TCGF ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty: Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công
- Tên tiếng anh: Thanh Cong Asset Management Company Limited
- Tên viết tắt: TCAM
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/01/2023.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3827 0528
- Website: http://tcam.com.vn
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng)

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Tên ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003.
- Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 8812
- Fax: (028) 3821 8813
- Website: www.bidv.com.vn

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận dài hạn, tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư bằng việc phân bổ tài sản vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng cao trong tương lai.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư hướng đến sự linh hoạt trong đầu tư, theo đó, chú trọng phân bổ danh mục vào cổ phiếu của các doanh nghiệp dẫn đầu các ngành chủ chốt của nền kinh tế (xét về quy mô vốn hóa thị trường, quy mô tài sản, tính thanh khoản, hiệu quả hoạt động và các chỉ tiêu khác…) nhưng vẫn đảm bảo điều tiết tỷ trọng danh mục phù hợp với từng giai đoạn của thị trường dựa trên hoạt động phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế vĩ mô cũng như tình hình nội tại của từng doanh nghiệp, và chu kỳ kinh tế.
2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.
3. Các loại tài sản Quỹ TCGF được đầu tư bao gồm:
    a. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
    b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
    c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
    d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
    e. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ

chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC.

f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ TCGF phải đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:
   a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ;
   b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   d. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;
   e. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức

đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;

g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;

h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ TCGF;

i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k. Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

2. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ TCGF chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f, và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau đây:

a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

4. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

6. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại do Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo ra cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của Quỹ, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường, trong đó nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục.

8. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a. Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận;

d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

9. Quỹ chỉ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết, chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro khi Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định và đáp ứng đầy đủ các điều kiện, hạn mức đầu tư theo pháp luật.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư.

   Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác;không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản là tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:

   Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn các tài sản có kỳ hạn lý tưởng, mức độ lợi nhuận và rủi ro hợp lý, có mức lãi suất/giá phù hợp nhất với điều kiện thị trường thực tế trong từng thời kỳ.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là trái phiếu, công cụ nợ:
   a. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện đánh giá nghiên cứu vĩ mô, xu hướng lãi suất, phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu của Quỹ;
   b. Đối với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn với chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với các tổ chức phát hành như phân tích hiệu quả hoạt động kinh

doanh, bộ máy quản trị, tính minh bạch, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản cổ phiếu:

   Tiêu chí lựa chọn đầu tư của Quỹ dựa trên quy trình thẩm định đầu tư cân nhắc các yếu tố từ phạm vi vĩ mô đến vi mô bao gồm:

   a. Phân tích triển vọng ngành bao gồm: phân tích chu kỳ kinh tế, tiềm năng tăng trưởng, mức độ cạnh tranh, triển vọng về doanh thu, lợi nhuận, chính sách Nhà nước. Đặc điểm ngành được Quỹ lựa chọn sẽ có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, ổn định, ít chịu sự biến động từ các yếu tố kinh tế vĩ mô;

   b. Phân tích doanh nghiệp bao gồm: năng lực quản trị doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động và đánh giá tiềm năng tăng trưởng doanh nghiệp qua các chỉ số tài chính.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ được phép đầu tư khác, công ty quản lý quỹ sẽ trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt về phương pháp lựa chọn và giải ngân theo đề xuất được phê duyệt.

Điều 13. Hoạt động giao dịch tài sản của quỹ

1. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở giao dịch chứng khoán.
2. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
   a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
   b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định.
3. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.
4. Đối với giao dịch bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư 136/2025/TT-BTC.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 14. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) chứng chỉ quỹ TCGF trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
3. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, nhân viên của công ty quản lý quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, nhân viên của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ và trở thành nhà đầu tư, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
    a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
    b. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
    c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán mua lại chứng chỉ quỹ mở;
    d. Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
    e. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
    f. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
    g. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
    h. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
    i. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc

thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

j. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

b. Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh

nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính ("Sổ chính") hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ ("Sổ phụ") và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
    a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
    b. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
    c. Thông tin về nhà đầu tư bao gồm:

        - Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của nhà đầu tư; số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);

        - Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/ số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập; họ và tên đầy đủ, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và thư điện tử (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

    d. Số tài khoản hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng nhà đầu tư; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán đối với nhà đầu tư nước ngoài;
    e. Số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ, tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.

f. Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng.
2. Chứng chỉ Quỹ TCGF được giao dịch hai (02) lần một tuần, vào ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần ("Ngày giao dịch" hay "Ngày T"). Trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
3. Việc tăng/giảm tần suất giao dịch phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng/giảm tần suất giao dịch, thời điểm tăng/giảm tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ công bố tại Bản cáo bạch, được thông báo cho Ngân hàng giám sát, đại lý phân phối và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
4. Lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch và trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
5. Lệnh mua chứng chỉ quỹ
    a. Giá trị mua tối thiểu là một trăm nghìn (100.000) đồng;
    b. Lệnh mua của nhà đầu tư phải gửi kèm các tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc ngân hàng giám sát xác

nhận với Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận;

c. Đại lý ký danh được thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán;

d. Nhà đầu tư thanh toán giao dịch mua chứng chỉ quỹ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Công ty quản lý quỹ mở tài khoản tiền của Quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh; đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;

e. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhânhoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư;

f. Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua x (1 – Giá Dịch vụ phát hành (%)) / Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch

g. Số lượng đơn vị quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số đơn vị quỹ lẻ không làm ảnh hưởng đến khả năng bán lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;

h. Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ, cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ, quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

6. Lệnh bán chứng chỉ quỹ

a. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ;

b. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản nhà đầu tư là mười (10) đơn vị quỹ. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng đơn vị quỹ đăng ký bán được đại lý chuyển nhượng xác nhận là do nhà đầu tư đó nắm giữ; nhà đầu tư, đại lý ký danh có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch của nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản, tiểu khoản. Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản

sau giao dịch ít hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của kỳ giao dịch nhà đầu tư đặt lệnh bán. Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;

c. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ Quỹ;

d. Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định **hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định** trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu.

e. Số tiền bán chứng chỉ quỹ được được tính theo công thức sau:

Giá trị bán được nhận = Số lượng đơn vị quỹ được mua lại x Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch x (1 – Giá Dịch vụ mua lại (%)).

f. Số tiền nhà đầu tư nhận được bằng giá trị bán được nhận trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có);

g. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại điểm d khoản này, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư;

h. Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ, cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ, quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

7. Lệnh chuyển đổi chứng chỉ quỹ

a. Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở khi công ty có từ hai (02) quỹ mở trở lên và các quỹ này có quy định cho phép chuyển đổi chứng chỉ quỹ;Lệnh chuyển đổi nhằm bán đơn vị quỹ của Quỹ này để mua đơn vị quỹ của Quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng đơn vị quỹ đăng ký bán được đại lý chuyển nhượng xác nhận là do nhà đầu tư đó nắm giữ và sẽ được coi là cả lệnh bán được chấp nhận và lệnh mua được chấp nhận;

b. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ. Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản sau giao dịch ít hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang chứng chỉ quỹ mục tiêu;

c. Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

i. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu;

ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

iii. Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu và số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản ở quỹ mục tiêu;

iv. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại tiết i, ii điểm này.

d. Các trường hợp giao dịch chuyển đổi không hợp lệ, cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch chuyển đổi không hợp lệ, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

8. Các lệnh giao dịch nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào ngày giao dịch. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

9. Thời điểm đóng sổ lệnh

Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h45 ngày làm việc liền trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (Ngày T-1)

10. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

11. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.

12. Nhà đầu tư có thể tham gia mua chứng chỉ quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua chứng chỉ quỹ. Phương thức tham gia và thực hiện chương trình SIP được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản

1a. Trường hợp Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
    a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ
    b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:

- Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

    c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch

2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc sau:
    a. Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước;
    b. Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
    a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán

c. Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết;

d. Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư của quỹ chỉ số nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu đã vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều lệ quỹ.

5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này, không quá 30 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư

9. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:

a. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ.

b. Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.

c. Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.

d. Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.

e. Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.

Điều 19. Giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu ra công chúng của một đơn vị quỹ bằng mệnh giá của đơn vị quỹ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có), được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
2. Giá bán một đơn vị quỹ các lần phát hành sau, là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có), được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
3. Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có), được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. **Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.**
4. Giá dịch vụ phát hành là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ phát hành được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối.

5. Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán chứng chỉ quỹ và được khấu trừ khi quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
6. Giá dịch vụ chuyển đổi là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị giao dịch chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
7. Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. Các khoản giá dịch vụ quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này sẽ được được ngân hàng giám sát chuyển trả cho công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Phần thanh toán cho đại lý phân phối sẽ được căn cứ theo hợp đồng đại lý phân phối được ký giữa công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối.
8. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không được vượt quá các mức quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.
9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 20. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Thừa kế chứng chỉ quỹ
    a. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế;
    b. Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
2. Cho tặng chứng chỉ quỹ
    a. Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ;

b. Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại đại lý phân phối;

c. Số lượng chứng chỉ quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng chứng chỉ quỹ trên tài khoản.

3. Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 17, 18 Điều lệ quỹ.

Điều 21. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

1. Quỹ và công ty quản lý quỹ sẽ quản lý danh mục đầu tư của Quỹ theo nguyên tắc bảo toàn vốn để tối đa hóa lợi nhuận khoản đầu tư cho các nhà đầu tư.
2. Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, công ty quản lý quỹ sẽ báo cáo nguyên nhân cho Ban đại diện quỹ và Đại hội nhà đầu tư để đề xuất các giải pháp khắc phục phù hợp.
3. Trong trường hợp Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,… thì Nhà đầu tư phải gánh chịu khoản sụt giảm tương ứng của giá trị tài sản ròng của Quỹ. Trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ Việt Nam đồng liên tục trong sáu (06) tháng, Quỹ sẽ bị giải thể như quy định tại Điều 66 Điều lệ quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp như quy định tại khoản 6 Điều 59 Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 22. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
    a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
    b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
    c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ ;
    d. Phương án phân phối lợi tức;
    e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;
    f. Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
    g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
    h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội nhà đầu tư thường niên của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên thì Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý

kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong những trường hợp sau:
    a. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
    b. Theo yêu cầu của nhà đầu tư hay nhóm nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội nhà đầu tư phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng chứng chỉ quỹ được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội nhà đầu tư phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
4. Nhà đầu tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

5. Chủ tịch Ban đại diện quỹ làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Ban đại diện quỹ khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội nhà đầu tư; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Chủ tọa của Đại hội nhà đầu tư điều hành cuộc họp theo chương trình họp đã được thông báo đến các nhà đầu tư.

6. Đại hội nhà đầu tư thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại hội nhà đầu tư nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.

9. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.

10. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp, bao gồm các nội dung sau:

a. Công ty quản lý quỹ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách nhà đầu tư gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện tương ứng với việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

b. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập công ty quản lý quỹ;
ii. Mục đích lấy ý kiến;
iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với nhà đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của nhà đầu tư;
iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
vi. Thời hạn phải gửi về công ty quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ và người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ.

c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty quản lý quỹ bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
   i. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện pháp luật của nhà đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty quản lý quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
   ii. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, nhà đầu tư phải đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty quản lý quỹ phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Công ty quản lý quỹ phải ghi rõ địa chỉ thư điện tử nhận phiếu lấy ý kiến, nhà đầu tư phải gửi bằng thư điện tử đã đăng ký tại Sổ đăng ký nhà đầu tư;
   iii. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty quản lý quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
d. Ban đại diện quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của nhà đầu tư không phải là thành viên của Ban đại diện hoặc

không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập công ty quản lý quỹ;
ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
iii. Số nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
v. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ thông qua biểu quyết thông qua tương ứng;
vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

e. Các thành viên Ban đại diện quỹ, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

f. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ;

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ và gửi cho ngân hàng giám sát một (01) bản để lưu trữ và thực hiện chức năng của mình;

h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.

11. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

12. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

13. Tất cả các cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến năm 05 (năm) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
    a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản; hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
    b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
    c. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:
        i. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;
        ii. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử.
2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
    a. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b. Đáp ứng các quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 Điều lệ này.

3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:
   a. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
   b. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   c. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Thành viên không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức tuy nhiên với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ tịch Ban đại diện quỹ và công ty quản lý quỹ trước ít nhất sáu mươi (60) ngày.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
   a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
   b. Không thuộc đối tượng bị cấm/hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
   c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, kế toán - kiểm toán, pháp luật và không nhất thiết phải là nhà đầu tư của Quỹ.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
   a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
   b. Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
   b. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; danh sách các tổ chức báo giá, các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 57 Điều lệ này;
   c. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

d. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;

e. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

f. Quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e, f, g, và h khoản 2 Điều 22 Điều lệ Quỹ trong trường hợp được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền;

g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;

h. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.

2. Trong trường hợp Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản f khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư.

3. Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ quỹ và Quyết định của Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết.

2. Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Được hưởng thù lao và được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý căn cứ vào số ngày dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập của thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của pháp luật liên quan. Các khoản này được tính vào

chi phí hoạt động quản lý của Quỹ và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
    a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
    b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
    c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
    d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban đại diện quỹ tại Đại hội nhà đầu tư phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi nhà đầu tư có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số chứng chỉ quỹ sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban đại diện quỹ; nhà đầu tư có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban đại diện quỹ được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Ban đại diện quỹ thì Đại hội nhà đầu tư sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
2. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau đây:
    a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ quỹ;
    b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
3. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau đây:
    a. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    b. Có bằng chứng cho thấy thành viên Ban đại diện quỹ vi phạm các nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật;
    c. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
4. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban đại diện quỹ và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
6. Sau khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, thành viên Ban đại diện quỹ phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm. Công ty quản lý quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
    a. Số thành viên Ban đại diện quỹ bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
    b. Số lượng thành viên độc lập của Ban đại diện quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định pháp luật và khoản 2 Điều 26 Điều lệ này;
    c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu một (01) quý một lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty quản lý quỹ phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Ban đại diện quỹ có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban đại diện quỹ được đăng ký tại công ty quản lý quỹ.

3. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn. Mỗi thành viên của Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không thể tham gia cuộc họp trực tiếp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.
4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên). Quyết định của Ban đại diện quỹ sẽ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập dự hợp thông qua.
5. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hỗ trợ về nhân sự, thiết bị kỹ thuật, soạn thảo tài liệu trong các cuộc họp Ban đại diện quỹ. Chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của quỹ.
7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
2. Hoàn toàn độc lập và tách biệt với ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại các Phụ lục đính kèm Điều lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
    a. Được đại diện Quỹ ký hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát; hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với đại lý phân phối;
    b. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
    c. Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
    d. Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định tại Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;
    e. Tham dự các cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư và Ban đại diện quỹ (nhưng không có quyền biểu quyết);
    f. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban đại diện quỹ để Đại hội nhà đầu tư bầu chọn;
    g. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật;
    h. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
    i. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ; tuân thủ các quyết định của Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;

b. Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;

c. Khi quản lý tài sản của Quỹ, công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

i. Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;

ii. Ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát; thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát.

iii. Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng giám sát để ngân hàng giám sát đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng giám sát;

iv. Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác: công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát để ngân hàng giám sát định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

v. Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký các tài sản đó;

vi. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại công ty quản lý quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn

đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;

vii. Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán do công ty quản lý đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;

d. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch phân bổ tài sản phải được phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất;

e. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:

i. Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mười phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

ii. Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

Quy định tại điểm này không áp dụng cho Quỹ trong sáu (06) tháng hoạt động đầu tiên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

f. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

ii. Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ quỹ;

iii. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động công ty quản lý quỹ và Điều lệ quỹ;

g. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng giám sát;

h. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ;

i. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

j. Công ty quản lý quỹ thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm I khoản này;

k. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

l. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực

hiện nhận biết khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.

i. Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

ii. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

iii. Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua công ty quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

m. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch chứng chỉ quỹ và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

n. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

ii. Tách biệt về sơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư, thực hiện đầu tư, hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán.

iii. Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

o. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
    a. Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
    b. Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
    c. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
    d. Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
    e. Quỹ hết thời hạn hoạt động (nếu có);
    f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều này.
3. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ;
5. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ, công ty quản lý quỹ thay thế gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và ngân hàng giám sát xác nhận.
6. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản của Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều này.
7. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Trong trường hợp đó, Quỹ phải trả cho Công ty quản

lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản tiền dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ quỹ) theo biểu phí như sau:

Phí bồi thường được tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ	Thời điểm thay thế công ty quản lý quỹ
3,0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho công ty quản lý quỹ là giá trị tài sản ròng bình quân theo báo cáo giá trị tài sản ròng của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ đã được ngân hàng giám sát xác nhận.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định.
3. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản Quỹ mà công ty quản lý quỹ đang quản lý theo nguyên tắc sau:
    a. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
    b. Trường hợp giao dịch không thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ. Văn bản chấp thuận phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thưởng đã được quy định tại Điều lệ quỹ.

5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
    a. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
    b. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
    c. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
    d. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
    e. Không được thực hiện giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho Quỹ;
    f. Không cam kết hoặc đảm bảo về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được từ khoản đầu tư hoặc đảm bảo về việc khoản đầu tư không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ.
3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại.
4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán.
5. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
6. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Điều lệ quỹ.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát
    a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư Quỹ;
    b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
    c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
    d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
    e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
    f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

k. Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ, theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với Điều lệ quỹ;

l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ quỹ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

a. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ;

b. Được quyền tham dự các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;

c. Được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản của Quỹ theo hợp đồng giám sát được ký kết giữa công ty quản lý quỹ thay mặt cho Quỹ và ngân hàng giám sát, Điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a. Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng; kiểm tra, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

   Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

e. Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của

pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

5. Trường hợp công ty quản lý quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.
6. Trường hợp công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
    a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
    b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát,
    c. Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
    d. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.
3. Trường hợp ngân hàng giám sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát, ngân hàng giám sát phải có thông báo trước ít nhất sáu (06) tháng cho công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát sau khi hoàn thành chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho ngân hàng giám sát mới.

4. Trường hợp thay đổi ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký, Quỹ thông qua công ty quản lý quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho ngân hàng giám sát thay thế. Ngân hàng giám sát thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát có xác nhận của công ty quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ.
5. Trường hợp ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ được uỷ quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Bên nhận uỷ quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được uỷ quyền. Tổ chức được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ có liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép hoạt động về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có trình độ, kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức, nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo. Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ có liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ phối hợp với nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo, phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo theo quy định pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền
   a. Đối với dịch vụ quản trị quỹ
      i. Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
      ii. Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
      iii. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
      iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
   b. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

i. Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở,

ii. Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

iii. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;

iv. Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội nhà đầu tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

v. Cung cấp cho nhà đầu tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;

vi. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do pháp luật quy định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động uỷ quyền.

3. Công ty quản lý quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của

Quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.

4. Công ty quản lý quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.
7. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
8. Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
9. Định kỳ hàng tháng, công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
    a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
    b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
    c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
    d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
    e. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
    f. Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ;
    g. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
    h. Quỹ bị giải thể.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt tại thời điểm mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ hoặc cho tổ chức mà công ty quản lý quỹ ủy quyền nhận bàn giao. Tổ chức nhận ủy

quyền bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

Tổ chức được công ty quản lý quỹ lựa chọn làm Đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ.
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất 01 địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật.
3. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.
4. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai chứng chỉ quỹ theo thông lệ quốc tế.
5. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:
    a. Làm đại lý ký danh;
    b. Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối

Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền,tài trợ khủng bố.
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của tùng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.

4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;
5. Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 49. Hoạt động của đại lý ký danh

1. Hoạt động của đại lý ký danh bao gồm:
    a. Thực hiện chức năng đại lý phân phối theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư.
    b. Lập và quản lý sổ phụ đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
    c. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
    d. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.
2. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:
    a. Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của nhà đầu tư tại sổ phụ. Các nhà đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số đơn vị quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của nhà đầu tư (nếu có);
    b. Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng nhà đầu tư; quản lý tách biệt tiền, tài sản của nhà đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh

muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh;

c. Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của nhà đầu tư;

d. Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng nhà đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.

3. Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, công ty quản lý quỹ, đại lý ký danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản ký danh, đảm bảo:

   a. Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng nhà đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

   b. Tiền (nếu có) của nhà đầu tư không bị lạm dụng hoặc sử dụng mà chưa được ủy quyền của nhà đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho nhà đầu tư trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ;

   c. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc từ nhà đầu tư tham gia vào Quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của nhà đầu tư.

Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc Quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

1. Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ trong trường hợp được Đại hội nhà đầu tư ủy quyền theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 28 Điều lệ này thông qua công ty kiểm toán cho Quỹ.
2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
    a. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
    b. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;
    c. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho quỹ đầu tư chứng khoán;
    d. Không được là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 52. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 53. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng.

Điều 54. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán, chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ được lưu tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ. Ban đại diện quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.

2. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét và Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán hàng năm bởi công ty kiểm toán đã được Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ lựa chọn.
3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc sẽ được trình bày tại Đại hội nhà đầu tư. Bản sao của các báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các thành viên Ban đại diện quỹ và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 55. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị tài sản ròng phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng. Các giá trị tài sản ròng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.
4. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
2. Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban đại diện quỹ để phê duyệt danh sách bao gồm tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giả phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá, không được là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 58. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phả trả của

Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá (Ngày T-1). Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

2. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước đó.
3. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục số 04 Điều lệ này, sổ tay định giá hoặc được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá tuân thủ các quy định của pháp luật và phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
4. Quy trình xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ:
    a. Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại khoản 3 Điều này;
    b. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.
    c. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
    d. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Quỹ và nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức sai lệch từ một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng trở lên.
2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư theo trình tự sau đây:

a. Xác định lại giá trị tài sản ròng tại các kỳ định giá sai vượt mức;

b. Xác định các khoản đền bù cho Quỹ, nhà đầu tư tại các kỳ định giá sai. Công ty quản lý quỹ không phải đền bù cho những nhà đầu tư thiệt hại ít hơn một trăm nghìn (100.000) đồng, nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của công ty quản lý quỹ phải được đưa vào Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quyết định khác;

c. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày định giá lại giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của Quỹ, nhà đầu tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng nhà đầu tư;

d. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho Quỹ và nhà đầu tư.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán;

b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành.

4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

5. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí đền bù cho quỹ và nhà đầu tư. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, chi phí đền bù cho nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này được hạch toán vào quỹ.

6. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ;

b. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật, hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật;

c. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ;

d. Tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

7. Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quỹ.

8. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này được thực hiện thông qua ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với ngân hàng giám sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho nhà đầu tư và Quỹ.

9. Việc bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ phải được Công ty quản lý quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của Quỹ theo quy định pháp luật, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư, mức đền bù cho Quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

CHƯƠNG XII

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 60. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ
   a. Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.

      Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).
   b. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định;
   c. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
   d. Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

      Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
   e. Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định giá trị tài sản ròng hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý quỹ trong tháng được xác định như sau:

      Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá cuối tháng x Số ngày thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].
2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát
   a. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được trả cho ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ;
   b. Giá dịch vụ lưu ký là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có));
   c. Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm, tối thiểu là 5 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có));

d. Công thức tính giá dịch vụ lưu ký, giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

e. Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định giá trị tài sản ròng hàng tháng thì giá dịch vụ lưu ký, giám sát trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ lưu ký, giám sát của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm x NAV tại ngày định giá cuối tháng x Số ngày thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

a. Giá dịch vụ quản trị quỹ trả cho ngân hàng giám sát là 0,03% NAV/năm, tối thiểu là 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

b. Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

c. Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định giá trị tài sản ròng hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

d. Các mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

a. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng;

b. Mức giá dịch vụ, phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ;

c. Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% NAV/năm.

Điều 61. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau đây:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của quỹ.

Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ

Chi phí của Quỹ bao gồm các khoản sau đây:

1. Chi phí quản lý quỹ trả cho công ty quản lý quỹ.
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho ngân hàng giám sát.
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
6. Thù lao, phụ cấp trả cho Ban đại diện quỹ.
7. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản của Quỹ.
8. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
9. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
10. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
11. Phí nộp cho cơ quan quản lý để xin cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ và giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.

12. Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba.
13. Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.
14. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

Điều 63. Phân chia lợi tức của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm ngày (15) ngày trước khi phân phối lợi tức. Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
2. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
    a. Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận luỹ kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế tài chính theo quy định pháp luật;
    b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
    c. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
    d. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
3. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

CHƯƠNG XIII
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 64. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
3. Tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
    a. Phương án hợp nhất, sáp nhập;
    b. Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
    c. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
    d. Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.
4. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, công ty quản lý quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
5. Trường hợp các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập quỹ không được hạch toán vào chi phí của quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác.
6. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:
    a. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho nhà đầu tư;
    b. Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
    c. Thanh toán các khoản nợ của quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu quỹ thanh toán theo đúng quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm:
    a. Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
    b. Bảo đảm quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
    c. Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
    d. Đại diện cho quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
8. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
9. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
    a. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
    b. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).
10. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
    a. Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
    b. Nhà đầu tư của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
    c. Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

11. Công ty quản lý quỹ được tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ trong thời hạn ba mươi (30) ngày để hoàn tất việc hợp nhất, sáp nhập, trừ trường hợp mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối việc hợp nhất, sáp nhập.
12. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện các lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.

Điều 65. Chia, tách Quỹ

1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách Quỹ bao gồm:
    a. Phương án chia, tách Quỹ;
    b. Dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.
2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thay mặt Quỹ hoàn trả đầy đủ tất cả các khoản nợ, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Quỹ trước khi chia, tách Quỹ.
3. Ngày chia, tách Quỹ là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định chia, tách Quỹ. Trong thời hạn mươi lăm (15) ngày kể từ ngày Uỷ ban Chúng khoán Nhà nước ra quyết định chấp thuận chia, tách Quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm chia, tách danh mục đầu tư của Quỹ và thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu các tài sản cho các quỹ mới hình thành sau chia, tách theo quy định của pháp luật.
4. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của các quỹ hình thành sau chia, tách có hiệu lực, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm:
    a. Hoàn tất việc lập sổ chính sổ phụ của các quỹ mới hình thành sau khi chia, tách;
    b. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ sau chia, tách;
    c. Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ từng nhà đầu tư sau chia, tách;
    d. Công bố thông tin về việc chia, tách Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c. Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư,

d. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng.

3. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát không được:

a. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;

b. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;

c. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;

e. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

4. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

a. Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

b. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

c. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

5. Đại hội nhà đầu tư chỉ định một công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

6. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho nhà đầu tư theo phương

án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá hai (02) năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá thời hạn nêu trên, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục của Quỹ cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

7. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm thực hiện thanh lý giải thể Quỹ theo quy định pháp luật.
8. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
9. Kể từ ngày giải thể Quỹ cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cung cấp cho nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XIV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng uỷ thác đầu tư của công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
    a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
    b. Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
   a. Trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối;
   b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   c. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ của Quỹ bao gồm:
   a. Báo cáo tài chính

   Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của Quỹ.

   b. Báo cáo hoạt động đầu tư

   Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải báo cáo và công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm các báo cáo hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

   c. Báo cáo giá trị tài sản ròng

   Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ định kỳ hằng tuần và công bố giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

   d. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

   Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đại chúng bán niên và hằng năm theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật.
4. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với Quỹ:
   a. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   b. Được cấp hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;
   c. Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; Quỹ chào bán không thành công;

d. Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;

e. Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của Quỹ;

f. Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

g. Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của Quỹ;

h. Định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ;

i. Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ;

j. Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của Quỹ;

k. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về Quỹ theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

6. Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các báo cáo định kỳ về hoạt động của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

7. Các tài liệu quy định tại khoản 6 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu hoặc gửi qua đường bưu điện.

8. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho nhà đầu tư phải được gửi đến địa chỉ của nhà đầu tư đăng ký trong Sổ đăng ký. Nhà đầu tư phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của nhà đầu tư đã được đăng ký tại Sổ đăng ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong Sổ đăng ký. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

9. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin cho Quỹ theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 15 Chương, 70 Điều được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2025. và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Các nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ quỹ.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ.
4. Điều lệ quỹ được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
    a. Một (01) bản báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
    b. Ba (03) bản lưu tại công ty quản lý quỹ;
    c. Một (01) bản lưu tại ngân hàng giám sát.
5. Đính kèm cùng Điều lệ này các Phụ lục là một phần không tách rời như sau:

    Phụ lục 1: Cam kết của công ty quản lý quỹ.

    Phụ lục 2: Cam kết của ngân hàng giám sát.

    Phụ lục 3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

    Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công

Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/01/2023.

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
    a. Báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ,
    b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
    c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;
    d. Các thông tin liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp được pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiều tài sản có/nợ của Quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tuỵ, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

TCAM
THANHCONG ASSET MANAGEMENT CO.

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/01/2023.

Ngân hàng giám sát: **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch.
5. Không phát sinh các giao dịch vay và cho vay giữa hai bên.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
	Cổ phiếu	
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch.	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
	Chứng chỉ quỹ	
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ đó, hoặc của Sở giao dịch chứng khoán,

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; hoặc ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ TCGF.
	Các tài sản khác	
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá cho mỗi loại tài sản được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới được đánh giá là thích hợp hơn để áp dụng trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, công ty quản lý quỹ phải xin phê duyệt của Ban đại diện quỹ.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu cửa tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

A. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hoặc giá thị trường có nhiều biến động với

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		mức biến động và phương pháp xác định giá được quy định tại Điều lệ quỹ là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
	Cổ phiếu	
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết, Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch.	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết,	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch. Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng chỉ quỹ		
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ đó, hoặc của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; hoặc ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ TCGF.
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
17	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
18	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
19	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
20	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá cho mỗi loại tài sản được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới được đánh giá là thích hợp hơn để áp dụng trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, công ty quản lý quỹ phải xin phê duyệt của Ban đại diện quỹ.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu cửa tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn+1 điều chỉnh bởi

	quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).
[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).